

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ - ST

Ngày 28/10/2022.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Duy Quyết, ông Nguyễn Văn Tăng.

Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2022/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị Vân K, sinh năm 2002, tên gọi khác: Không.

Bị đơn: anh Nguyễn Tổng Q, sinh năm 1991, tên gọi khác: Không.

Đều trú tại: thôn 3, xã G, huyện G, tỉnh N.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị Vân K trình bày: Tôi và anh Nguyễn Tổng Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, được UBND xã G, huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/10/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn 3, xã G, huyện G, tỉnh N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến

vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mặt khác anh Q không chăm lo tới cuộc sống gia đình, thường xuyên tạo áp lực về tình cảm và tinh thần cho tôi. Mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Trong thời gian giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, cho thời gian để vợ chồng tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn với nhau nhưng cả hai chúng tôi vẫn không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, tôi không còn yêu thương anh Q nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Nguyễn Tổng Q.

Về con chung: chúng tôi không có nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 23/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tổng Q trình bày: Tôi và cô Lê Thị Vân K được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã G, huyện G vào ngày 16/10/2020. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại thôn 3, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Thời gian gần đây do cô Kiều tự ý cho người khác vay tiền mà không hỏi ý kiến, bàn bạc trước gì với tôi nên tôi có góp ý nhưng cô Kiều không nghe dẫn đến vợ chồng to tiếng với nhau rồi cô Kiều bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Kim Sơn, tỉnh N để sinh sống từ tháng 5/2022 cho đến nay nhưng không đăng ký tạm vắng, tạm trú. Tôi đã nhiều lần đến nhà nói chuyện với bố mẹ cô Kiều và khuyên cô Kiều trở về với tôi nhưng cô Kiều không nghe và đòi ly hôn với tôi. Tòa án đã cho vợ chồng tôi thời gian để tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng tôi vẫn không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn với nhau. Tuy nhiên tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi vẫn chưa đến mức phải ly hôn với nhau nên tôi vẫn không đồng ý ly hôn. Nếu cô Kiều vẫn kiên quyết xin ly hôn đó là quyền của cô Kiều, tôi vẫn không đồng ý ly hôn.

Về con chung: chúng tôi không có con chung với nhau nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị Vân K trình bày bổ sung: Việc vợ chồng lấy nhau gần hai năm nhưng không có con chung cũng là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng tôi thực sự không có tình cảm với nhau. Hai bên không có tình yêu, không có sự thương yêu, tôn trọng giành cho nhau. Do sống với nhau không có tình cảm, lại mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, tài chính

nên vợ chồng đã xúc phạm lẫn nhau và chị đã bỏ đi sống ở nhiều nơi khác nhau, vợ chồng ly thân hoàn toàn từ tháng 5/2022 đến nay. Mặt khác từ khi vợ chồng ly thân đến nay, anh Q tuy ngoài miệng nói muốn đoàn tụ nhưng lại không liên lạc gì với tôi, không có thiện chí thực sự hàn gắn vợ chồng. Các vấn đề khác, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: xử cho chị Lê Thị Vân K được ly hôn với anh Nguyễn Tổng Q; về án phí: chị Lê Thị Vân K phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tổng Q có địa chỉ tại thôn 3, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 BLTTDS để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đều có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Lê Thị Vân K và anh Nguyễn Tổng Q là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau tại thôn 3, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của các đương sự cũng như qua xác minh tại cơ sở là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bất đồng trong việc quản lý, chi tiêu kinh tế trong gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Việc vợ chồng lấy nhau gần hai năm nhưng không có con chung cũng là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, làm cho tình cảm vợ chồng thiếu gắn kết. Khoảng tháng 5/2022, chị K đã bỏ nhà đi sinh sống ở nơi khác (nhưng không đăng ký tạm trú) và vợ chồng sống ly thân hoàn toàn từ đó đến nay. Bản thân chị K thì xác định không còn tình

thương yêu, không còn sự tôn trọng giành cho anh Q nữa, kiên quyết đề nghị xin ly hôn. Tuy anh Q không đồng ý ly hôn với chị K nhưng trong suốt thời gian dài, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tạo điều kiện nhưng anh Q vẫn thờ ơ, bỏ mặc, không có động thái, biện pháp gì trong việc khắc phục mâu thuẫn, gắn kết tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ anh Q không có thiện chí thực sự hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị Vân K và anh Nguyễn Tổng Q đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Vân K, xử cho chị Lê Thị Vân K được ly hôn với anh Nguyễn Tổng Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị Lê Thị Vân K và anh Nguyễn Tổng Q không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị Lê Thị Vân K và anh Nguyễn Tổng Q đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: chị Lê Thị Vân K phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lê Thị Vân K được ly hôn với anh Nguyễn Tổng Q.

2. Về án phí: chị Lê Thị Vân K phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2021/0004068, ngày 03/8/2022.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

Nguyễn Hữu Quốc